



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO SỐ 63

09.2025

Lưu hành nội bộ

VFA - HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM



A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GAO TRONG THÁNG 09:** (Nguồn Oryza.com)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T08.25	So T09.24
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	354	373	366	-4	-213
	5% tấm	348	363	357	-4	-210
	25% tấm	334	345	339	-2	-183
	Hom Mali 92%	1049	1119	1091	+56	+70
	Gạo đỏ 100% Stxd	360	375	368	-	-203
	A1 Super	308	327	320	+4	-141
VIỆT NAM	5% tấm	375	393	379	-16	-189
	25% tấm	354	371	357	-8	-179
	Jasmine	494	549	512	-44	-172
	100% tấm	315	337	321	-16	-134
ẤN ĐỘ	5% tấm	372	380	377	-2	-117
	25% tấm	358	367	361	-1	-129
	Gạo đỏ 5% Stxd	349	368	359	-10	-168
	100% tấm Stxd	323	331	327	-2	N/a
PAKISTAN	5% tấm	347	365	357	-4	-178
	25% tấm	328	345	337	-6	-168
	100% tấm Stxd	301	325	314	+2	-115
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	323	357	337	-24	-188
MỸ	4% tấm	596	607	601	-26	-170
	15% tấm (Sacked)	578	642	614	-13	-88
	Gạo đỏ 4% tấm	858	862	860	-28	+44
	Calrose 4%	806	819	810	+8	-57

II. SỰ KIỆN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T09.2025	Sản lượng		Thương mại		Tồn kho cuối kỳ	
	2025/26 (triệu tấn)	So 2024/25	2025/26 (triệu tấn)	So 2024/25	2025/26 (triệu tấn)	So 2024/25
IGC	544,0	+0,55%	60,0	+1,69%	187,0	+2,19%
USDA	541,1	+0,02%	62,1	+2,00%	187,3	-0,58%
FAO	555,4	+1,00%	60,5	-1,47%	214,5	+2,00%

2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:
(Theo USDA đến ngày 10/10/2025; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T8.2025)	2025/26 (T9.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Ấn Độ	17,733	17,300	17,800	25,000	25,000	-	+1,000
Thái Lan	8,736	10,000	10,000	7,200	7,200	-	-
Việt Nam	8,225	9,000	9,035	7,900	7,900	-	-
Pakistan	4,528	6,400	6,479	5,300	5,200	-0,100	+0,200
Campuchia	3,000	3,700	3,700	4,100	4,100	-	+0,100
Trung Quốc	1,602	1,150	1,115	0,900	0,900	-	-0,150
Mỹ	2,397	3,170	3,250	3,100	3,000	-0,100	-
Các nước khác	7,621	8,504	8,397	8,540	8,770	+0,230	-0,064
Cả Thế giới	53,842	59,224	59,776	62,040	62,070	+0,030	+1,086

3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:
(Theo USDA đến ngày 10/10/2025; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T8.2025)	2025/26 (T9.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Philippines	3,900	5,300	5,300	5,500	5,500	-	+0,600
Trung Quốc	2,597	1,400	1,625	2,600	2,600	-	-
Indonesia	3,500	4,250	4,600	0,800	0,800	-	+0,100
Nigeria	2,000	2,400	2,400	3,000	3,000	-	+0,200
Iraq	1,845	2,150	2,150	2,225	2,225	-	+0,025

Bờ Biển Ngà	1,313	1,550	1,616	1,600	1,600	-	-0,250
Saudi Arabia	1,487	1,750	1,750	1,850	1,850	-	-
Senegal	1,300	1,400	1,400	1,650	1,650	-	-0,050
Malaysia	1,410	1,850	1,750	1,650	1,650	-	+0,050
Iran	0,751	0,800	0,750	1,050	1,050	-	+0,050
Liên Minh Châu Âu	2,183	2,300	2,350	2,200	2,200	-	-0,200
<i>Các nước khác</i>	<i>35,456</i>	<i>39,374</i>	<i>39,385</i>	<i>43,415</i>	<i>43,445</i>	<i>+0,030</i>	<i>+1,161</i>
Cả Thế giới	53,842	59,224	59,776	62,040	62,070	+0,030	+1,086

4. Các thị trường chính:

Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), giá xuất khẩu bình quân gia quyền gạo trắng toàn cầu, kết thúc tháng 9 ở mức 411 USD/tấn, giảm 5 USD/tấn so với tháng trước và giảm 217 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo các báo cáo FAO tháng 9/2505, đánh giá điều kiện sản xuất toàn cầu thuận lợi, với tiến độ mùa vụ tốt tại Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á. FAO dự báo sản lượng gạo 2025/26 đạt 555,5 triệu tấn và tồn kho cuối vụ 214,4 triệu tấn, đều là mức kỷ lục.

Chỉ số giá gạo Indica tiếp tục giảm, FAO Indica Price Index xuống mức thấp nhất trong 44 tháng; các nhà xuất khẩu chủ lực như Thái Lan, Pakistan và Hoa Kỳ đều hạ giá.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng gạo xay xát toàn cầu đạt 541,1 triệu tấn và thương mại đạt 62,1 triệu tấn, dẫn đầu bởi Ấn Độ và Thái Lan; tiêu thụ ước đạt 542,2 triệu tấn, tồn kho giảm về 187,3 triệu tấn.

Theo báo cáo Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) cũng đưa ra dự báo tích cực, ước sản lượng toàn cầu 544 triệu tấn, tiêu thụ 540 triệu tấn, thương mại 60 triệu tấn, cùng tồn kho ổn định quanh mức 187 triệu tấn, cho thấy thị trường được cung ứng dồi dào.

Giá thấp toàn cầu hỗ trợ giảm áp lực lạm phát lương thực nhưng làm giảm lợi nhuận của các nước xuất khẩu.

Các nhà phân tích tại BMI dự báo xu hướng giá yếu duy trì trong 2025, hạ dự báo giá CBOT xuống 12,8 USD/cwt, song cảnh báo rủi ro thời tiết (La Niña, IOD âm) có thể gây ngập lụt cục bộ tại Đông Nam Á và làm tăng biến động thị trường.

THÁI LAN:

Giá gạo tám 5% của Thái Lan kết thúc tháng 9 ở mức khoảng 350 USD/tấn, tăng khoảng 7 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 192 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Thương mại Thái Lan, xuất khẩu gạo trong tám tháng đầu năm 2025 giảm 24% so với cùng kỳ, xuống còn 5,04 triệu tấn, trong khi giá trị xuất khẩu giảm 31% xuống 2,98 tỷ USD. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung dư thừa trên thị trường thế giới, nhu cầu yếu hơn từ các nước lớn như Indonesia và Philippines, cùng với đồng baht mạnh lên làm giảm sức cạnh tranh.

Xuất khẩu gạo trắng và gạo thơm giảm mạnh do cạnh tranh gia tăng, trong khi các dòng gạo cao cấp hơn như jasmine, gạo đỏ, nếp và gạo lứt ghi nhận tăng trưởng tại các thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nam Phi và châu Âu. Riêng tháng 8/2025, Thái Lan xuất khẩu 739.427 tấn, giảm 16,9% so với cùng kỳ (theo Bloomberg).

Để đối phó xu hướng giảm, Cục Ngoại thương (DFT) đang mở rộng thị trường mới, thúc đẩy các thỏa thuận G2G, và triển khai các chiến dịch quảng bá. Đáng chú ý, Thái Lan đang đẩy nhanh giao 280.000 tấn gạo cho Trung Quốc theo hợp đồng G2G, đồng thời đề xuất nâng tổng xuất khẩu lên 500.000 tấn trong năm nay nhằm kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao Thái – Trung.

Một đoàn công tác của DFT mới đây đã làm việc với Tập đoàn kinh doanh và chế biến nông sản, thực phẩm lớn nhất Trung Quốc (COFCO) và Cơ quan Quản lý Thị trường Nhà nước Trung Quốc (SAMR) để hoàn tất hợp đồng, quảng bá gạo Thái và bảo vệ thương hiệu. Trong giai đoạn tháng 1–7/2025, xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 125% so với cùng kỳ, đạt 406.720 tấn, dẫn đầu là gạo trắng, gạo nếp và gạo jasmine.

Dù xuất khẩu đang suy giảm, Bộ Thương mại vẫn giữ nguyên mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn trong năm 2025, nhấn mạnh rằng sự ổn định tỷ giá vẫn là yếu tố then chốt. Năm ngoái, Thái Lan xuất khẩu gần 10 triệu tấn, duy trì vị thế nhà xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, sau Ấn Độ.

ẤN ĐỘ:

Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ kết thúc tháng 9 ở mức khoảng 374 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 119 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến tháng 9/2025, diện tích gieo cấy lúa Kharif tăng 1,4% so với năm trước, đạt 44,2 triệu ha, nhờ mùa mưa lớn nhất kể từ năm 2020, với lượng mưa cao hơn trung bình 8%, đạt 937,2 mm. Dù mưa đầu vụ dồi dào giúp cải thiện độ ẩm đất và thúc đẩy tăng diện tích trồng lúa, mưa lớn cuối vụ hiện đang đe dọa mùa màng. Việc mùa mưa rút chậm có thể khiến thiệt hại thu hoạch trầm trọng hơn, dù lạm phát lương thực tháng 8 giảm 0,7%.

Theo FAO và USDA đều dự báo sản lượng gạo Ấn Độ 2025/26 đạt mức kỷ lục 151 triệu tấn, nhờ mưa thuận lợi, diện tích gieo trồng cao hơn (39,9 triệu

ha) và thu mua theo giá Hỗ Trợ Tối Thiểu (MSP) tăng mạnh. Xuất khẩu được dự báo có thể tăng lên tới 25 triệu tấn, củng cố vị thế thống trị của Ấn Độ trên thị trường gạo toàn cầu. Tồn kho trong nước tiếp tục dồi dào: tính đến 1/9, tổng dự trữ lương thực đạt 81,96 triệu tấn, trong đó tồn kho gạo tăng 14% so với năm trước lên 48,23 triệu tấn, cao hơn nhiều so với mức đệm quy định.

Về thương mại, xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong giai đoạn tháng 4–8/2025 tăng 6,4% so với cùng kỳ, đạt 4,71 tỷ USD, nhờ nhu cầu mạnh từ Bangladesh, Trung Đông và tồn kho thấp tại Miến Điện, Pakistan. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo basmati sang Hoa Kỳ gặp khó khăn do lũ ở Punjab và mức thuế nhập khẩu 50% của Hoa Kỳ, cao hơn nhiều so với mức 19% với Pakistan, khiến thị phần có thể dịch chuyển về phía Pakistan.

Chính phủ đã tăng cường giám sát xuất khẩu gạo bằng quy định mới của Tổng Cục Ngoại thương (DGFT) yêu cầu đăng ký hợp đồng với Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Sản phẩm Nông nghiệp và Thực phẩm Chế biến (APEDA) đối với các lô gạo phi basmati, đồng thời gỡ bỏ giá xuất khẩu tối thiểu (MEP) đối với gạo trắng nhằm tăng tính cạnh tranh. Các doanh nghiệp xuất khẩu hoan nghênh phí đăng ký tượng trưng 8 rupee/tấn, coi đây là bước tiến hướng tới minh bạch, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu gạo Ấn Độ trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, Ấn Độ đã giảm nhẹ phản ứng trước lệnh cấm nhập khẩu gạo 60 ngày của Philippines, coi đây là biện pháp bình thường, đồng thời khẳng định vị thế là nhà cung cấp đáng tin cậy. Với kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt 51 tỷ USD, Ấn Độ kỳ vọng tăng cường hợp tác thương mại và công nghệ với Manila, củng cố thêm qua kế hoạch thăm Ấn Độ của Tổng thống Philippines.

Trong nước, Chính phủ đã giảm mục tiêu thu mua lúa gạo 2025–26 xuống 46,35 triệu tấn (từ mức 51,16 triệu tấn trước đó) do tồn kho dư thừa của Tổng công ty Lương thực Ấn Độ (FCI).

CAMPUCHIA:

Campuchia đã xuất khẩu gạo sang 81 quốc gia và vùng lãnh thổ, tăng 14,7% về khối lượng và 14% về giá trị so với cùng kỳ năm trước, theo The Khmer Times. Gạo thơm chiếm 87% tổng lượng xuất khẩu, trong đó EU là thị trường lớn nhất (226.910 tấn, 176 triệu USD), tiếp theo là Trung Quốc (116.320 tấn, 68 triệu USD), ASEAN, cùng các thị trường châu Phi và Trung Đông.

Ngoài ra, Campuchia thu về 1,11 tỷ USD từ 4,84 triệu tấn lúa xuất khẩu qua thương mại biên giới. Liên đoàn Gạo Campuchia cho biết tăng trưởng đạt được nhờ xây dựng thương hiệu mạnh mẽ hơn, đa dạng hóa thị trường, và sự hỗ trợ của Chính phủ thông qua tài chính, hạ tầng và các chính sách giảm chi phí, khẳng định gạo tiếp tục là động lực quan trọng của nền kinh tế nông nghiệp.

Theo báo cáo Hệ thống Thông tin và Cảnh báo Sớm Toàn cầu về Lương thực và Nông nghiệp (GIEWS) của FAO, sản lượng lúa niên vụ 2025/26 của Campuchia được dự báo đạt 13,9 triệu tấn, thấp hơn một chút so với 2024/25 nhưng cao hơn 10% so với mức trung bình 5 năm. Khoảng 2,7 triệu ha đã được gieo cấy đến tháng 8/2025, nhờ mưa thuận lợi ở các tỉnh phía Nam và miền Trung, trong khi các vùng phía Bắc ghi nhận lượng mưa thấp hơn trung bình. Vụ lúa khô (vụ phụ), chiếm khoảng 30% tổng sản lượng, sẽ được gieo sạ vào tháng 11.

Tuy nhiên, xuất khẩu gạo được dự báo giảm xuống còn 3,1 triệu tấn trong năm 2025, từ mức kỷ lục 3,4 triệu tấn năm 2024, do cạnh tranh toàn cầu gia tăng. Giá gạo trong nước tính đến tháng 7/2025 giảm 12–19% so với cùng kỳ, do nguồn cung dồi dào và tốc độ xuất khẩu chậm lại.

MIẾN ĐIỆN:

Theo Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF), đã xuất khẩu 1,04 triệu tấn gạo và tấm, trị giá 355 triệu USD trong 5 tháng đầu năm tài khóa 2025/26. Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất (499.000 tấn), tiếp theo là Indonesia và Philippines. Chính phủ đặt mục tiêu xuất khẩu 3 triệu tấn trong năm tài khóa này, tăng so với 2,48 triệu tấn của năm 2024/25, với Bộ Thương mại phối hợp cùng các Hiệp hội ngành hàng để hoàn thành chỉ tiêu theo tháng.

Trong nửa cuối năm tài khóa 2025/26 (tháng 10 – tháng 3), MRF có kế hoạch nâng xuất khẩu lên 300.000 tấn/tháng, so với khoảng 200.000 tấn/tháng trong nửa đầu. Động thái này phù hợp với chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của Miến Điện, nhằm ổn định thu nhập nông dân trong bối cảnh dư cung và giá quốc tế thấp, đồng thời mở rộng thị trường tại Trung Quốc, châu Âu, Asean và châu Phi.

Tuy nhiên, báo cáo GIEWS của FAO dự báo xuất khẩu gạo của Miến Điện sẽ giảm 14,5% xuống còn 2,4 triệu tấn, dù sản lượng lúa được ước tính tăng 2% so với mức trung bình 5 năm, đạt 28,2 triệu tấn, nhờ lượng mưa thuận lợi.

Tình hình an ninh lương thực vẫn rất nghiêm trọng, với 16,7 triệu người (gần 30% dân số) rơi vào tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng trong giai đoạn tháng 6–8/2025, do xung đột chính trị, di dời dân cư, thời tiết cực đoan, và trận động đất vào tháng 3/2025 làm trầm trọng thêm tình hình.

PAKISTAN:

Giá gạo 5% tấm của Pakistan kết thúc tháng 9 ở mức khoảng 356 USD/tấn, tăng nhẹ 1 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm 163 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũ lụt kỷ lục do gió mùa tại tỉnh Punjab đã tàn phá sản xuất lúa của Pakistan, ảnh hưởng hơn 220.000 ha từ ngày 1/8 đến 16/9, trong khi các trận ngập đầu vụ tháng 6 và tháng 7 cũng làm giảm năng suất. Các huyện trồng basmati dọc sông Chenab, Ravi và Sutlej — bao gồm Sialkot và Narowal — chịu thiệt hại nặng, buộc nhiều diện tích phải gieo cấy lại.

Đợt lũ, xảy ra do lượng mưa lớn nhất hơn ba thập kỷ, đã khiến 4 triệu người phải sơ tán và hơn 1.000 người thiệt mạng. Punjab là nơi chiếm gần 68% sản lượng ngũ cốc của Pakistan đã bị ảnh hưởng nặng nhất, làm dấy lên lo ngại về an ninh lương thực trong nước và kim ngạch xuất khẩu của quốc gia đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu gạo.

Theo FAO, sản lượng lúa mùa 2025 của Pakistan được dự báo đạt 28,98 triệu tấn, giảm 7,8% so với năm 2024 nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 5 năm. Việc gieo trồng được hoàn tất đầu tháng 8, có tái gieo ở các khu vực bị lũ, và tổng diện tích vẫn duy trì tốt nhờ giá lúa hấp dẫn. Xuất khẩu gạo dự kiến đạt 5,5 triệu tấn, tiếp tục là mặt hàng ngũ cốc xuất khẩu hàng đầu của Pakistan. Tuy nhiên, xuất khẩu giai đoạn tháng 7–8/2025 giảm 13% xuống 545.403 tấn, còn doanh thu giảm 32% xuống 314,4 triệu USD. Xuất khẩu gạo basmati giảm mạnh còn 101.934 tấn, trị giá 107,3 triệu USD, trong khi xuất khẩu gạo phi basmati tăng nhẹ.

Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Pakistan (REAP) ước tính thiệt hại do lũ ở mức 10–12% sản lượng lúa của Punjab — thấp hơn nhiều so với con số 60% mà Diễn đàn Doanh nghiệp Pakistan đưa ra. REAP nhấn mạnh rằng nước dư thừa có thể mang lại lợi ích cho những khu vực trước đây bị thiếu nước, và cảnh báo rằng việc thổi phồng thiệt hại có thể làm suy giảm niềm tin của khách hàng trong bối cảnh Pakistan đang phải cạnh tranh với gạo giá rẻ từ Ấn Độ. Khi mực nước đang rút ở Punjab và Sindh quản lý tốt các vùng ngập, các thành viên REAP sẵn sàng hỗ trợ nông dân bị ảnh hưởng.

Bất chấp những khó khăn trong nước, nguồn cung và giá gạo toàn cầu vẫn ổn định nhờ sản xuất mạnh ở Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam. Tuy nhiên, sự sụt giảm nguồn cung từ Pakistan có thể giúp chặn đà giảm hoặc đẩy giá gạo thế giới tăng nhẹ, sau khi đã giảm mạnh từ đầu năm 2024.

An ninh lương thực của Pakistan vẫn đáng lo ngại, với 10 triệu người tiếp tục rơi vào tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng do căng thẳng kinh tế, cú sốc khí hậu, và thiệt hại mùa màng cũng như gia súc do lũ lụt.

SRI LANKA:

Sản lượng lúa được ghi nhận mức tăng trưởng mạnh trong tháng 7/2025 nhờ điều kiện canh tác thuận lợi. Ngân hàng Trung ương dự báo sản lượng vụ

Yala đạt 2,2 triệu tấn, tăng 11,7% so với năm trước, và tổng sản lượng cả năm đạt 4,8 triệu tấn, tăng 2,7% so với năm 2024. Điều này phản ánh sự phục hồi ổn định của ngành nông nghiệp, góp phần củng cố an ninh lương thực thông qua nguồn cung gạo ổn định và giảm phụ thuộc vào nhập khẩu.

Để giải quyết tình trạng khan hiếm gạo Keeri Samba trong nước, nội các đã phê duyệt nhập khẩu 40 tấn. Mặc dù tổng sản lượng gạo của cả nước tăng, Keeri Samba chỉ chiếm 7% tổng diện tích gieo cấy, khiến Sri Lanka phải tiếp tục nhập khẩu để ổn định nguồn cung và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

INDONESIA:

Công ty nông nghiệp nhà nước mới ra mắt của Indonesia, Agrinas Pangan Nusantara, lên kế hoạch đầu tư 8 nghìn tỷ rupiah (479 triệu USD) đến năm 2026 nhằm mở rộng sản xuất lúa gạo, hỗ trợ mục tiêu tự chủ lương thực của Chính phủ. Sáng kiến này sẽ xây dựng 20 trung tâm sản xuất lương thực trên toàn quốc, được trang bị máy sấy, nhà máy xay xát, silo và nhà máy thức ăn chăn nuôi, cùng việc sử dụng 225.000 ha đất do Bộ Nông nghiệp cấp. Agrinas đặt mục tiêu sản xuất 4 triệu tấn mỗi năm, thông qua hợp tác với nông dân nhỏ lẻ bằng hình thức cho thuê máy móc hoặc trực tiếp vận hành trang trại. Trung tâm đầu tiên đang được phát triển tại Nam Sumatra trên diện tích 12.000 ha, áp dụng các công nghệ tiên tiến như máy móc tùy chỉnh từ Tập đoàn Mahindra (Ấn Độ), drone và giám sát bằng vệ tinh. Công ty nhận khoản vốn đầu tư 700 tỷ rupiah từ quỹ tài sản quốc gia Danantara Indonesia, cùng nguồn vốn vay ngân hàng dự kiến được bổ sung.

Indonesia dự kiến thặng dư 3,5 triệu tấn gạo trong năm 2025, với sản lượng quốc gia đạt 33–34 triệu tấn, tăng so với 30,6 triệu tấn năm 2024. Mức tăng đến từ diện tích trồng mở rộng, cơ giới hóa, phân bón và hệ thống tưới cải thiện, thời tiết thuận lợi, và các chính sách thúc đẩy năng suất. Giá lúa thuận lợi khiến nông dân mở rộng diện tích canh tác, trong khi Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS) độc lập theo dõi khối lượng thu hoạch. Chính phủ hướng đến tự chủ sản xuất, ổn định nguồn cung trong nước và không phải nhập khẩu gạo trong năm 2025.

Indonesia tái khẳng định không nhập khẩu gạo phục vụ tiêu dùng thông dụng trong năm 2025, chỉ cho phép nhập khẩu gạo đặc sản phục vụ những nhà hàng chuyên biệt. Các loại gạo trung bình và phổ thông sẽ không được nhập khẩu, nhằm đảm bảo sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

Cơ quan hậu cần nhà nước Bulog báo cáo nguồn cung gạo ổn định, không xảy ra tình trạng thiếu hàng tại các cửa hàng bán lẻ. Gạo SPHP (ổn định cung cầu & giá) được trợ giá của Chính phủ và các thương hiệu cao cấp được phân

phối rộng rãi cùng gạo nhãn hiệu tư nhân. Tính đến đầu tháng 9, Bulog đã phân phối 400.000 tấn gạo SPHP và dự kiến phân phối thêm 1,3 triệu tấn trong bốn tháng tới theo các chương trình hỗ trợ lương thực. Dự trữ gạo quốc gia hiện ở mức 3,9 triệu tấn, trong đó 2,8 triệu tấn đã được thu mua từ nông dân với giá 6.500 IDR/kg, gần đạt mục tiêu 3 triệu tấn năm 2025. Các đợt thu mua bổ sung, có thể lên đến 1 triệu tấn, sẽ được thảo luận trong các cuộc họp điều phối sắp tới.

Chiến lược rộng hơn của Chính phủ nhằm tự cung tự cấp lúa gạo bao gồm 3 biện pháp: Thâm canh (cải thiện giống, phân bón, tưới tiêu và mô hình lúa-thủy sản); Mở rộng diện tích (khai thác đất bỏ hoang và xây dựng các vùng tự chủ lương thực); Chương trình hỗ trợ (quản lý dự trữ lương thực, giảm thất thoát, trao quyền cho hợp tác xã nông thôn).

Những biện pháp này nhằm ổn định nguồn cung trong nước, bảo vệ thu nhập nông dân và củng cố an ninh lương thực trước các rủi ro nguồn cung toàn cầu.

PHILIPPINES:

Philippines đã gia hạn lệnh cấm nhập khẩu gạo thêm ít nhất 30 ngày, có thể kéo dài đến cuối năm, nhằm hỗ trợ nông dân trước tình trạng giá lúa giảm sâu, xuống còn 6–8 peso/kg. Tổng thống Marcos đã phê duyệt lệnh cấm, bắt đầu từ ngày 1/9, áp dụng đối với gạo thường và gạo xay xát kỹ, trong khi không áp dụng cho các loại đặc sản như Japonica, nếp và basmati. Chỉ những lô hàng rời nước xuất khẩu trước ngày 31/8 mới được phép nhập, qua các cảng được chỉ định tại Manila, Davao, Cagayan de Oro và Cebu. Biện pháp này nhằm bình ổn giá trong nước và bảo vệ nông dân trước làn sóng gạo nhập rẻ tràn vào trong tháng 8 và đầu tháng 9.

Bộ Nông nghiệp (DA) có thể tiếp tục gia hạn lệnh cấm và đang xem xét tăng thuế nhập khẩu gạo. Tổng thống Marcos đã chỉ đạo DA xây dựng các biện pháp mới dựa trên cập nhật về nguồn cung nội địa và giá lúa tại ruộng. Các cơ quan chính phủ cũng bị cấm mua gạo nhập khẩu. Để hỗ trợ nông dân, DA lên kế hoạch mua lúa khẩn cấp, mở rộng kho chứa thông qua Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA), áp dụng giá sàn toàn quốc và điều chỉnh lịch gieo trồng để thích ứng biến đổi khí hậu.

DA dự kiến mua 80–90% lượng gạo cho chương trình trợ giá gạo năm tới từ nông dân trong nước, phần còn lại nhập khẩu, với tổng khối lượng 1,5 triệu tấn trị giá 29 tỷ peso (507 triệu USD). Chính sách này phù hợp với cam kết tranh cử của Tổng thống về gạo 20 peso/kg, áp dụng cho 15 triệu hộ gia đình vào năm 2025, mặc dù giá nhập khẩu thấp hơn nhiều.

Dự báo sản xuất gạo của Philippines vẫn khả quan nhưng thận trọng do thời tiết thất thường và lũ lụt. USDA dự báo sản lượng lúa năm 2025/26 đạt 19,68 triệu tấn, tương ứng 12,40 triệu tấn gạo xay xát, nhờ điều kiện đầu vụ thuận lợi, dù mưa nhiều cuối vụ có thể hạn chế mức tăng. Tiêu thụ nội địa dự kiến tăng 1,7% lên 17,6 triệu tấn, trong khi nhập khẩu có thể giảm xuống 5,0 triệu tấn do lệnh cấm, với tồn kho cuối kỳ dự báo đạt 3,6 triệu tấn. DA cũng điều chỉnh giảm nhẹ mục tiêu sản xuất lúa năm 2025 xuống 20,3 triệu tấn (từ 20,45 triệu tấn), với ước tính cuối cùng trong khoảng 20,09–20,39 triệu tấn, thể hiện sự kỳ vọng thận trọng trong bối cảnh chính sách và thị trường biến động. Sản lượng nửa đầu năm tăng 6,4% so với năm trước, đạt 9,08 triệu tấn, và tổng sản lượng cả năm được dự báo đạt 12,65–12,85 triệu tấn gạo xay xát, đủ đáp ứng 96–101 ngày tiêu dùng vào cuối năm.

Tính đến đầu tháng 9, Philippines đã nhập khoảng 3,1 triệu tấn gạo, chủ yếu từ Việt Nam, tiếp theo là Miến Điện, Thái Lan, Pakistan và Ấn Độ. Tổng tồn kho gạo ngày 1/8 đạt 2,321 triệu tấn, tăng 24,5% so với năm trước, gồm 836.890 tấn tại hộ gia đình, 1,031 triệu tấn tại các kho thương mại và 452.740 tấn do NFA nắm giữ.

TRUNG QUỐC:

Trung Quốc đang hướng tới một vụ thu hoạch ngũ cốc kỷ lục vào năm 2025, bất chấp tình trạng hạn hán và lũ lụt trước đó, nhờ điều kiện canh tác thuận lợi và tiến bộ công nghệ. Với gần 20% diện tích ngũ cốc vụ thu đã được thu hoạch và diện tích gieo trồng được mở rộng, sản lượng ngũ cốc vụ hè đạt 149,74 triệu tấn, còn sản lượng lúa sớm tăng lên 28,52 triệu tấn.

Công nghệ hiện đóng góp 63,2% vào tổng sản lượng ngũ cốc, với các đổi mới như giống cây trồng mới, máy kéo lai và robot chăm sóc vườn cây ăn quả, giúp nâng cao hiệu quả và năng suất. Thu nhập nông thôn tiếp tục tăng, với thu nhập khả dụng bình quân đầu người đạt 23.119 nhân dân tệ (3.254 USD) năm 2024, được hỗ trợ bởi hơn 100.000 doanh nghiệp nông nghiệp quy mô lớn và các biện pháp của Chính phủ — qua đó củng cố an ninh lương thực và sinh kế của nông dân.

NHẬT BẢN:

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã nâng dự báo nhu cầu gạo 2025/26 lên 7,11 triệu tấn, từ mức 6,73 triệu tấn trước đó, chủ yếu do lần đầu tiên tính thêm nhu cầu từ du lịch quốc tế. Sản lượng gạo được dự báo đạt 7,28–7,45 triệu tấn, trong đó lượng gạo dùng làm thực phẩm sau xay xát còn lại 6,45–6,68 triệu tấn, vẫn cao hơn mức nhu cầu ước tính 6,24–6,31 triệu tấn. Tồn kho khu vực tư nhân có thể tăng lên 1,98–2,29 triệu tấn vào tháng

6/2026, mức cao nhất trong một thập kỷ, làm dấy lên lo ngại dư nguồn cung, đặc biệt sau khi dự báo và nhu cầu thực tế không khớp trong năm trước dẫn đến giá tăng mạnh.

Để giải quyết tình trạng giá gạo cao, Nhật Bản đã triển khai xả kho gạo nhập khẩu miễn thuế sớm hơn thường lệ. Theo cơ chế “minimum access”, Chính phủ buộc phải nhập khẩu 770.000 tấn gạo miễn thuế mỗi năm, trong đó khoảng 100.000 tấn được đấu giá cho mục đích tiêu dùng. Năm nay, các cuộc đấu giá bắt đầu từ tháng 6, sớm hơn ba tháng so với thông lệ — với khoảng 60.000 tấn từ các nước như Hoa Kỳ và Úc đã được bán ra. Khu vực tư nhân cũng nhập 26.000 tấn trong tháng 7, tăng mạnh so với năm ngoái, dù các lô hàng này chịu thuế cao. Dù nguồn cung tăng, giá gạo trong nước vẫn duy trì ở mức cao, cho thấy áp lực tăng giá có thể tiếp diễn.

Song song đó, MAFF đã giới thiệu Kế hoạch Cải thiện Đất đai Dài hạn 5 năm (2025–2029) nhằm giảm hơn 60% chi phí sản xuất lúa thông qua dồn điền đổi thửa và công nghệ nông nghiệp thông minh. Kế hoạch sẽ phát triển 90.000 ha ruộng lúa, trong đó 60.000 ha được hợp nhất thành các thửa có diện tích tối thiểu 1 ha. Cơ giới hóa và tự động hóa sẽ được ứng dụng để cải thiện tưới tiêu và kiểm soát cỏ dại.

Sáng kiến này cũng nhằm đối phó với thách thức từ lực lượng nông dân ngày càng già hóa và thu hẹp, khi mỗi năm có khoảng 60.000 nông dân trồng lúa rời bỏ nghề, và 30% diện tích đất nông nghiệp có nguy cơ bị bỏ hoang trong thập kỷ tới.

HÀN QUỐC:

Báo cáo GIEWS của FAO về Hàn Quốc dự báo sản lượng lúa năm 2025 đạt 4,6 triệu tấn, thấp hơn khoảng 6% so với mức trung bình 5 năm, chủ yếu do gieo cấy bị chậm vì thời tiết xấu trong tháng 5 và diện tích trồng lúa tiếp tục giảm khi Chính phủ khuyến khích chuyển sang các cây trồng thay thế như đậu tương.

Mặc dù tình trạng sinh trưởng của cây lúa nhìn chung thuận lợi và không có lo ngại về hạn hán vào tháng 8, Hàn Quốc vẫn được dự báo nhập khẩu khoảng 590.000 tấn gạo trong năm 2025, cùng với 16,9 triệu tấn ngũ cốc nhập khẩu khác, chủ yếu là ngô và lúa mì.

Báo cáo không cung cấp số liệu tồn kho, nhưng với sản xuất dưới mức trung bình trong khi nhu cầu ổn định, khả năng cao sẽ xuất hiện áp lực lên dự trữ, cần được theo dõi chặt chẽ. Bên cạnh đó, các chính sách giảm diện tích trồng lúa cũng có thể ảnh hưởng đến giá gạo trong nước.

BANGLADESH:

Ngày 23/9/2025, Bangladesh thông báo đấu thầu quốc tế nhập khẩu 50.000 tấn gạo đồ phi basmati (CIF), với thời hạn nộp hồ sơ đến 6/10. Hàng hóa, có thể xuất xứ từ bất kỳ quốc gia nào trừ Israel — phải thuộc vụ mùa 2025 và được giao đến cảng Chattogram hoặc Mongla trong vòng 40 ngày kể từ khi trúng thầu. Giá chào phải giữ hiệu lực đến 20/10, theo Reuters.

Trong khi đó, Chính phủ đã cho phép 23 doanh nghiệp xuất khẩu tổng cộng 58.000 tấn dầu cám gạo, với hạn mức từ 500 đến 10.000 tấn cho mỗi doanh nghiệp, có hiệu lực đến 30/11. Các lô hàng phải tuân thủ Chính sách Xuất khẩu 2024–2027 và chịu sự kiểm tra của Hải quan, đồng thời Bộ Thương mại có quyền dừng xuất khẩu khi cần thiết. Sản lượng dầu cám gạo trong nước vượt 1,63 triệu tấn mỗi năm, nhưng mức tiêu thụ còn khiêm tốn và tăng dần, theo The Financial Express.

Để ổn định thị trường dầu ăn trong bối cảnh lo ngại về nguồn cung, Bangladesh đã khôi phục thuế điều tiết 20% đối với xuất khẩu dầu cám gạo vào ngày 17/9. Trước đó, nước này áp thuế 25% vào tháng 2 khi sản xuất nội địa chỉ đáp ứng 25–30% nhu cầu, và gần đây áp thêm thuế tạm thu 1% đối với dầu ăn nhập khẩu. Mức thuế mới phản ánh nỗ lực bảo đảm nguồn cung và hạn chế biến động giá trong bối cảnh thị trường toàn cầu không ổn định.

Mặc dù nước này thu mua kỷ lục vụ Boro, gồm 376.942 tấn lúa, 1,406 triệu tấn gạo đồ, và 51.307 tấn gạo atap, với giá cố định 36 taka/kg và 49 taka/kg, giá gạo bán lẻ vẫn tiếp tục tăng từ tháng 8 năm ngoái. Hiện người tiêu dùng phải trả cao hơn 5–17 taka/kg so với cùng kỳ. Theo Vụ Tổng kinh tế của Ủy ban Kế hoạch (GED), đóng góp của gạo vào lạm phát thực phẩm đã tăng từ 40% vào tháng 5 lên 51,55% vào tháng 7, trong đó gạo loại ngon, trung bình và thô đều tăng giá, với gạo trung bình và thô ghi nhận lạm phát hai con số từ tháng 12.

SRI LANKA:

Sản xuất lúa của Sri Lanka ghi nhận tăng trưởng mạnh trong tháng 7/2025 nhờ điều kiện canh tác thuận lợi. Ngân hàng Trung ương dự báo sản lượng vụ Yala đạt 2,2 triệu tấn, tăng 11,7% so với năm trước, và tổng sản lượng cả năm đạt 4,8 triệu tấn, tăng 2,7% so với 2024. Điều này phản ánh sự phục hồi ổn định của ngành nông nghiệp, góp phần củng cố an ninh lương thực thông qua nguồn cung gạo ổn định và giảm phụ thuộc nhập khẩu. Trong khi đó, các ngành khác như chè, cao su và thủy sản đều ghi nhận mức giảm trong cùng kỳ.

Để giải quyết tình trạng thiếu hụt gạo Keeri Samba trong nước, nội các đã phê duyệt nhập khẩu 40 tấn. Mặc dù sản lượng gạo chung tăng cao, Keeri Samba chỉ chiếm 7% tổng diện tích gieo cấy, khiến Sri Lanka phải tiếp tục nhập khẩu để ổn định nguồn cung và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

TRUNG ĐÔNG:

Báo cáo GIEWS của FAO về **Iraq** cho thấy sản xuất lúa năm 2025 giảm mạnh do thời tiết khô hạn và các biện pháp hạn chế của Chính phủ, bao gồm lệnh cấm trồng lúa tại tỉnh Najaf nhằm tiết kiệm nước cho các nhu cầu thiết yếu. Sản lượng trong nước giảm dự kiến sẽ khiến Iraq phụ thuộc nhiều hơn vào nhập khẩu gạo, trái ngược với mặt hàng lúa mì, nơi sản xuất nội địa mạnh giúp nhu cầu nhập khẩu duy trì dưới mức trung bình.

Mặc dù sản xuất giảm, giá gạo trong nước vào tháng 8/2025 vẫn ổn định, dù cao hơn 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Điều này có được nhờ nguồn cung nhập khẩu đầy đủ và các chương trình trợ giá của Chính phủ, giúp kiểm soát giá các mặt hàng lương thực thiết yếu.

MỸ LATIN:

Nam Mỹ bước vào vụ 2025/26 với điều kiện gieo trồng thuận lợi tại Argentina và Brazil, nhưng rủi ro La Niña (71%) có thể gây khô hạn ở Argentina và nam Brazil, ảnh hưởng sản xuất và giá gạo khu vực.

Argentina: Giá gạo 5% tằm 470 USD/tấn (↓15 USD/tháng, ↓321 USD/năm). Chính phủ tạm dỡ thuế xuất khẩu đến 31/10/2025 hoặc khi đạt 7 tỷ USD để tăng nguồn USD và hỗ trợ nông dân.

Brazil: Giá gạo 5% tằm 506 USD/tấn (↓4 USD/tháng). Sản lượng lúa MY 2025 dự báo 12,4–12,76 triệu tấn (+17%), diện tích và năng suất đều tăng. Tồn kho cuối vụ tăng hơn 4 lần, đạt 2,05 triệu tấn.

Uruguay: Giá gạo 5% tằm 488 USD/tấn (↓8 USD/tháng). Sản lượng 2025 dự kiến 1,69 triệu tấn (+29% y/y). Giá nội địa giảm 40% từ tháng 5–7 và 25% y/y do dư cung và nhu cầu thế giới yếu.

Mexico: Sản lượng lúa MY 2025/26 dự báo 258.000 tấn (+4% nhưng thấp hơn trung bình 10 năm). Nhập khẩu tăng lên 895.000 tấn, xuất khẩu giảm xuống 20.000 tấn do nhu cầu gạo tằm trong nước.

Bolivia: Sản lượng lúa 2025 đạt 530.000 tấn (+22% y/y) nhưng vẫn dưới trung bình 5 năm. Thiếu ngoại tệ khiến nhập khẩu năm 2024/25 giảm 40%; thuế nhập khẩu gạo–ngô–lúa mì được tạm dỡ đến 12/2025.

Panama: Sản lượng lúa 2025 dự kiến 400.000 tấn, cao hơn trung bình 5 năm nhưng ↓2,4% so với 2024. Tồn kho lớn giúp giảm nhu cầu nhập khẩu và hỗ trợ giá trong nước.

Cuba: Nhập 16.000–19.000 tấn gạo giữa lúc thiếu hụt nghiêm trọng. Sản xuất nội địa chỉ đáp ứng 11% nhu cầu, Cuba chi 300+ triệu USD/năm cho nhập khẩu; giá bán lẻ lên tới 280 peso/pound.

HOA KỲ:

Giá gạo 4% tấm của Hoa Kỳ kết thúc tháng 9 ở mức khoảng 604 USD/tấn, tăng khoảng 6 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm 186 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo báo cáo Rice Outlook tháng 9/2025 của USDA, thị trường gạo Hoa Kỳ niên vụ 2025/26 ghi nhận diễn biến trái chiều: nguồn cung đạt mức kỷ lục 313,4 triệu cwt, nhưng nhu cầu và giá suy yếu.

Sản lượng được dự báo đạt 208,8 triệu cwt, tăng nhẹ so với tháng trước nhưng vẫn thấp hơn 6% so với năm ngoái, do diện tích giảm tại Arkansas bù trừ cho mức tăng ở California. Nhập khẩu được dự báo đạt mức kỷ lục 50,7 triệu cwt, chủ yếu là gạo thơm từ châu Á, làm gia tăng cạnh tranh trên thị trường nội địa.

Xuất khẩu bị điều chỉnh giảm xuống 94,0 triệu cwt, trong đó gạo hạt dài bị ảnh hưởng nặng tại thị trường Mỹ Latinh do giá gạo Mỹ cao hơn so với gạo châu Á. Tiêu thụ nội địa cũng giảm nhẹ, góp phần đẩy tồn kho cuối vụ lên 53,4 triệu cwt.

Giá gạo chịu áp lực, với giá bình quân tại trang trại dự báo ở mức 13,20 USD/cwt, giảm 13% so với năm trước, chủ yếu do giá gạo hạt dài giảm mạnh.

Tổng thể, dù nguồn cung gạo Hoa Kỳ dồi dào, khả năng cạnh tranh xuất khẩu suy yếu và giá giảm tiếp tục cho thấy những thách thức lớn trong việc duy trì thị phần trong bối cảnh thương mại gạo toàn cầu ngày càng cạnh tranh hơn.

CHÂU PHI:

Theo USDA Post dự báo bảng cân đối gạo của **Nigeria** niên vụ 2025/26 sẽ cho thấy sản xuất trong nước giảm, trong khi tiêu thụ và nhập khẩu tăng mạnh. Sản lượng gạo xay xát được dự báo đạt 5,5 triệu tấn, giảm 5% so với năm trước do diện tích thu hoạch giảm, chi phí đầu vào cao, tình trạng bất ổn an ninh và mức hỗ trợ của Chính phủ giảm.

Trong khi đó, tiêu thụ dự kiến tăng 5% lên 8,6 triệu tấn, nhờ giá trong nước giảm bởi nhập khẩu phi chính thức, sức mua người dân cải thiện và việc sử dụng gạo thay thế trong thức ăn gia cầm. Gạo nhập khẩu tiếp tục rẻ hơn và phổ biến hơn so với gạo nội địa.

Nhập khẩu được dự báo tăng 5% lên 3,2 triệu tấn, bất chấp các hạn chế chính thức, do gạo giá rẻ từ Ấn Độ và Thái Lan tiếp tục chảy vào Nigeria qua Benin. Gạo Mỹ cũng có thể hưởng lợi nếu thuế được nới lỏng. Tồn kho cuối vụ dự kiến đạt 1,96 triệu tấn, nhỉnh hơn năm ngoái khi các thương nhân tăng dự trữ để phòng rủi ro giá toàn cầu trong thời gian tới.

TRUNG ĐÔNG:

Báo cáo GIEWS của FAO về Iraq cho thấy sản xuất lúa năm 2025 giảm mạnh do thời tiết khô hạn và các biện pháp hạn chế của Chính phủ, bao gồm lệnh cấm trồng lúa tại tỉnh Najaf nhằm tiết kiệm nước cho các nhu cầu thiết yếu. Sản lượng trong nước giảm dự kiến sẽ khiến Iraq phụ thuộc nhiều hơn vào nhập khẩu gạo, trái ngược với mặt hàng lúa mì, nơi sản xuất nội địa mạnh giúp nhu cầu nhập khẩu duy trì dưới mức trung bình.

Mặc dù sản xuất giảm, giá gạo trong nước vào tháng 8/2025 vẫn ổn định, dù cao hơn 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Điều này có được nhờ nguồn cung nhập khẩu đầy đủ và các chương trình trợ giá của Chính phủ, giúp kiểm soát giá các mặt hàng lương thực thiết yếu.

5. Thông tin thảo:

Hàn Quốc:

Tại Hàn Quốc, Tập đoàn Thương mại Nông-Thủy sản và Thực phẩm (KAFTC) của Hàn Quốc đã phát hành gói thầu quốc tế mua khoảng 157.717 tấn gạo, đánh dấu gói thầu thứ năm của năm 2025. Theo trang web của KAFTC, hạn chót nộp giá là 15:00 (giờ Hàn Quốc) ngày 29/9/2025, và phiên đấu thầu điện tử sẽ diễn ra từ 09:30 đến 11:30 (giờ Hàn Quốc) ngày 30/9/2025.

Nhật Bản:

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã công bố kết quả gói thầu SBS (Mua-Bán đồng thời) theo khuôn khổ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) lần thứ ba cho năm tài khóa 2025/26, được tổ chức vào ngày 30/9/2025. Trong gói thầu này, Nhật Bản đã mua và bán thành công 1.200 tấn gạo nguyên hạt, đúng bằng lượng mà nước này dự kiến nhập khẩu. Đây là một phần trong cam kết của Nhật Bản theo Hiệp định CPTPP, gồm 11 quốc gia thành viên như Úc, Canada và Việt Nam.

Trước đó, ngày 19/9/2025, Nhật Bản đã mua 46.000 tấn gạo thông qua một gói thầu quốc tế, bao gồm:

39.000 tấn gạo trung bình không nếp từ Hoa Kỳ,

7.000 tấn gạo hạt dài đánh bóng từ Thái Lan,

với mức giá bình quân 129.430 JPY/tấn (khoảng 875 USD) trước thuế.

MAFF cũng thông báo kế hoạch nhập khẩu khoảng 20.000 tấn gạo trong một gói thầu SBS tiếp theo dự kiến tổ chức vào ngày 3/10/2025.

III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	7,10	7,14	7,12
Euro (USD/Euro)	0,84	0,86	0,85
Rupiah Indonesia (IDR)	16.368,42	16.778,19	16.523,68
Malaysian Ringgit (MYR)	4,19	4,23	4,21
Philippines Peso (PHP)	56,64	58,21	57,27
South Korean Won (KRW)	1.375,72	1.410,44	1.392,94
Yen Nhật Bản (JPY)	146,35	149,78	147,87
Rupee Ấn Độ (INR)	87,79	88,79	88,27
Burmese Kyat (MMK)	2.099,07	2.099,65	2.099,35
Pakistan Rupees (PKR)	282,35	283,73	283,22
Baht Thái Lan (THB)	31,70	32,32	31,98
Vietnamese Dong (VND)	26.341,12	26.463,90	26.400,54

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:****1. Kết quả xuất khẩu:**

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/09 đến 30/09/2025 đạt 466.800 tấn, trị giá 232,383 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 43,27% và về trị giá giảm 54,73%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 30/09/2025 đạt **6,825 triệu tấn**, trị giá **3,486 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 giảm 2,05% về số lượng và giảm 19,98% về trị giá.

* Thị trường xuất khẩu 9 tháng năm 2025:

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Philippines	2.966.058	1.455.987.434	43,45%
Ivory Coast	853.051	393.626.306	12,50%
Ghana	764.758	429.325.356	11,20%
China	600.188	304.669.568	8,79%
Malaysia	363.251	173.792.964	5,32%
Senegal	164.253	51.513.921	2,41%
Singapore	121.891	70.529.530	1,79%
Bangladesh	104.917	49.888.207	1,54%
Mozambique	85.796	47.648.092	1,26%
Cuba	60.060	32.052.821	0,88%
Hongkong	47.234	28.572.948	0,69%

United Arab Emirates	44.126	28.173.535	0,65%
Campuchia	33.572	21.035.660	0,49%
Indonesia	29.934	13.510.834	0,44%
Saudi Arabia	29.191	19.719.075	0,43%
Australia	28.982	22.286.309	0,42%
United States of America	26.030	23.181.350	0,38%
Turkey	23.850	14.500.576	0,35%
Taiwan	15.488	8.916.925	0,23%
Netherlands	11.979	9.118.216	0,18%
Poland	9.201	7.206.814	0,13%
South Africa	7.230	4.675.973	0,11%
Russia	4.673	2.808.430	0,07%
Tanzania	4.550	2.211.625	0,07%
Chile	3.338	2.103.241	0,05%
France	3.041	2.427.244	0,04%
Spain	2.201	1.616.880	0,03%
Ukraine	1.545	1.092.963	0,02%
Angola	1.103	567.889	0,02%
Iraq	224	185.443	0,00%
Brunei	66	67.062	0,00%
Belgium	54	44.712	0,00%
Các nước khác	413.806	263.392.987	6,06%
TỔNG CỘNG	6.825.641	3.486.450.890	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/09 – 30/09/2025 có 19 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 214.700 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hải Hồng Shun	Mỹ Thới	02/09/2025	3.800	Philippines
2	Phúc Thuận 69	HCM	02/09/2025	4.800	Philippines
3	Royal 27	HCM	02/09/2025	13.000	Philippines
4	Amore	HCM	03/09/2025	40.000	Châu Phi
5	Star 11	Mỹ Thới	06/09/2025	5.700	Philippines
6	TTC An Bình	HCM	06/09/2025	4.000	Malaysia
7	TTC Hải Phòng	HCM	06/09/2025	6.200	Malaysia
8	Eva Londen	HCM	07/09/2025	13.000	Châu Phi
9	Appia	HCM	08/09/2025	11.000	Châu Phi
10	Hòa Bình 45	HCM	12/09/2025	4.000	Malaysia

11	Sông Diễm Ocean	HCM	12/09/2025	4.900	Malaysia
12	Hòa Bình 09	HCM	13/09/2025	6.450	Malaysia
13	Hòa Bình 54	HCM	13/09/2025	4.850	Malaysia
14	HPC Unity	HCM	19/09/2025	24.000	Châu Phi
15	Quang Minh 18	HCM	21/09/2025	3.500	Malaysia
16	Ocean Beauty	HCM	23/09/2025	50.000	Châu Phi
17	Quang Minh 5	HCM	29/09/2025	4.500	Malaysia
18	Tân An 01	HCM	30/09/2025	4.800	Malaysia
19	An Thịnh Phú 08	HCM	01/10/2025	6.200	Malaysia
Tổng				214.700	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Tính đến ngày 30/09/2025:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,504 triệu ha (cả cùng phía Nam là 1,850 triệu ha), diện tích thu hoạch được khoảng 1,425 triệu ha, với năng suất 59,46 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8,473 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 628 ngàn ha/700 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 90%.

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 105 ngàn ha/224 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 47%.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T8/2025	So với T9/2024
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>					
Hạt dài	5.950	5.150	5.494	-503	-2.249
Lúa thường	5.750	5.050	5.233	-287	-2.157
<u>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</u>					
Hạt dài	7.450	6.350	6.772	-536	-2.601
Lúa thường	7.250	6.050	6.435	-306	-2.592
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>					
Lứt loại 1	9.050	7.800	8.343	-444	-3.266
Lứt loại 2	8.325	7.650	7.969	-321	-2.911
Xát trắng loại 1	10.450	9.050	9.745	-754	-4.485
Xát trắng loại 2	9.250	8.950	9.131	-289	-4.089

<u>Phụ Phẩm</u>					
Tấm ½	7.750	7.050	7.331	-202	-2.174
Tấm 2/3	7.450	6.750	7.098	-220	-1.011
Tấm ¾	7.350	6.550	7.050	-78	-917
Cám xát	6.650	6.050	6.338	-138	-33
Cám lau	7.050	6.050	6.385	-94	+10
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>					
Gạo trắng 5% tấm	9.800	8.900	9.471	-345	-3.996
Gạo trắng 10% tấm	9.500	9.250	9.406	-231	-4.019
Gạo trắng 15% tấm	9.600	8.700	9.216	-318	-3.953
Gạo trắng 20% tấm	9.000	8.800	8.925	-175	-4.175
Gạo trắng 25% tấm	9.400	8.500	8.846	-279	-4.008

